

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Đ  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 20 - 5 - 2022

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Păng Ting Nôck

2. Bà Mai Lương Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Hồng N**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Số 96, đường N, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L.

*Bị đơn:* Anh **Bùi Quốc C**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 147, đường H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N thì:* Chị và anh Bùi Quốc C kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Đ, tỉnh L; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng tại số 147, đường H, Phường F, thành phố Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc được hơn 1 năm thì phát sinh Nều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi nhau, anh C hay nhậu nhẹt ăn chơi và nợ nần Nều lần, mặc dù chị đã khuyên răn Nều nhưng anh không thay đổi.

Đến tháng 8 năm 2021 thì chị chuyển về sống cùng gia đình chị và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021. Hiện các con đang sống cùng chị, chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi các con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng chị không có tài sản gì chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\*Theo bản tự khai và lời trình bày của bị đơn anh Bùi Quốc C thì:* Anh và chị N kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố Đ, tỉnh L; hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh tại số 147, đường H, Phường F, thành phố Đ. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được hơn 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng hay cãi nhau, anh thừa nhận bản thân nhậu nhẹt ăn chơi dẫn đến nợ nần Nều lần. Nguyên vọng anh mong muốn đoàn tụ, tuy Nều nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021, hiện các con đang sống cùng chị N. Ly hôn anh đồng ý giao các con chung cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, ban đầu anh C có nguyện vọng được đoàn tụ vợ chồng, nhưng sau đó anh C vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Hồng N xác định tình cảm vợ chồng không còn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C. Về con chung chị N có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021 đến khi các con thành niên và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên toà đã chấp hành đúng nội quy phiên toà theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự vắng mặt đã được tổng đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Về con chung đề nghị giao 02 con chung là Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi con trưởng thành, chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh C phải cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Bùi Quốc C kết hôn với nhau năm 2019, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra Nều mâu thuẫn, nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh C đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại Phường 10, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Bùi Quốc C đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên toà hôm nay nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tình tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Đ, tỉnh L. Theo trình bày của chị N và anh C thì cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh C ham chơi không chăm lo đến gia đình, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Tại phiên tòa, chị N xác định không còn tình cảm với anh C và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, theo nội dung đơn xin vắng mặt thì C cũng xác định nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh thống nhất đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai hiện đã sống ly thân và thống nhất ly hôn. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N và anh C được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Chị N và anh C cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021, hiện nay các con đang sống cùng chị N. Ly hôn chị N và anh C thống nhất giao con chung Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021 cho chị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng N.

#### **Xử:**

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Hồng N và anh Bùi Quốc C được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 02 con chung là Bùi Quốc Gia K, sinh ngày 08/01/2020 và Bùi N Quỳnh N, sinh ngày 05/10/2021 cho chị Lê Thị Hồng N có trách Nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Chị Lê Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001475 ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2022). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường F, tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Trần Thị Lan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lan**











